

Số: /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét Văn bản số 62/TTYTKV-YTCC-ATTP ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 71/TTr- SNNMT-CCKSBVMT ngày 28 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc, địa chỉ tại thôn Ấn Đạt, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc” tại thôn Ấn Đạt, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Ân Đạt, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là thôn Ân Đạt, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận).

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 338/2005/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (trước đây) về thành lập Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc (nay là Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc) trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa.

1.4. Mã số thuế: 4500271414

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích: 15.091,6 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ*).

- Phạm vi thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho các hạng mục của Cơ sở tại khu đất có diện tích 15.091,6 m² với công suất 50 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc như sau:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 và Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Thuận Bắc nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2.6. Thực hiện nghiêm Kế hoạch vận hành thử nghiệm và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi theo đúng thời gian yêu cầu.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra¹ có trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TTYT khu vực Thuận Bắc;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Các Sở: NNMT, Y tế;
- UBND xã Thuận Bắc;
- TT Công báo và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 180/QĐ-STNMT ngày 10/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, xét nghiệm, vệ sinh phòng bệnh.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực căn tin.
- Nguồn số 04: Nước thải từ khu nhà giặt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Toàn bộ nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 60 m³/ngày đêm tại Cơ sở theo đường ống dẫn bằng PVC đường kính D = 114 mm, dài L = 140 m được xả vào hệ thống thoát nước chung tại hố ga trên đường N7.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải sau xử lý tại hố ga trên đường N7 thuộc thôn Ân Đạt, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa (theo Văn bản số 61/KTHT ngày 17/02/2025 của Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc (trước đây)).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰): X = 1295079,00; Y = 0587697,00

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 43,7 m³/ngày đêm; tương đương 1,82 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn theo đường ống dẫn bằng PVC đường kính D = 114 mm, dài L = 140 m được xả vào hệ thống thoát nước chung tại hố ga trên đường N7 theo phương thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Bảng 1 và Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2)	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B, Bảng 1 và Bảng 2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
2	BOD ₅	mg/L	60	60	
3	COD	mg/L	120	90	
4	TSS	mg/L	120	80	
5	Amoni	mg/L	12	10	
6	Tổng Nitơ	mg/L	-	40	
7	Tổng Phốt pho	mg/L	-	6	
8	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	-	5	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24	30	
10	Tổng Coliforms/ Tổng Coliform	MPN /100ml	5.000	5.000	
11	Sunfua	mg/L	4,8	-	
12	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	-	
13	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	-	
14	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân được thu gom vào các bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó theo hệ thống đường ống thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, xét nghiệm, vệ sinh phòng bệnh được thu gom vào hệ thống đường ống đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu vực căn tin được thu gom vào bể tách mỡ để lắng mỡ sau đó theo hệ thống đường ống thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu nhà giặt được thu gom vào bể xử lý hóa lý để xử lý sơ bộ, sau đó theo hệ thống đường ống thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 11 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 5,0 m³/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống đường ống → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.2. Bể hóa lý:

- Số lượng: 01 bể có thể tích 16,2 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ khu nhà giặt → Bể hóa lý → Hệ thống đường ống → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.3. Bể tách mỡ:

- Số lượng: 01 bể có thể tích 1,0 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ căn tin → Bể tách mỡ → Hệ thống đường ống → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa + bể gom → Bể sinh học thiếu khí Anoxic (1 và 2) → Bể sinh học hiếu khí 1 và 2 giá thể bám dính → Bể lắng kiểu Lamella → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Hệ thống thoát nước chung trên đường N7.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước thải; định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước thải để tăng khả năng thoát nước thải.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp và thay mới máy móc, thiết bị của hệ thống trong trường hợp cần thiết.
- Trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu tạm thời tại bể điều hòa và Trung tâm sẽ khẩn trương khắc phục, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải chậm nhất là 02 ngày và sẽ bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải sẽ xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Trong mọi trường hợp, nước thải sau xử lý sẽ đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 04/3/2026 đến ngày 04/5/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí xả thải tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đầy đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải; hệ thống thu gom và

thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
Chất thải lây nhiễm					
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn và chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn	818	13 01 01	NH
Chất thải nguy hại không lây nhiễm					
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	03	16 01 06	NH
2	Pin thải	Rắn	02	16 01 12	NH
3	Các thiết bị y tế vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	Rắn	3	13 03 02	NH
4	Dược phẩm thải bỏ	Rắn	3,5	13 01 03	NH
Tổng			829,5		

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh: Khoảng 2.400 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dây dịch truyền bằng nhựa dẻo, chai dịch truyền, can nhựa, giấy, thủy tinh, ...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 11.820 kg/năm. Thành phần chủ yếu là rác hữu cơ, giấy, bao bì, thức ăn dư thừa, ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Đối với chất thải lây nhiễm:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy màu vàng và có lót túi theo quy định.

- Khu vực lưu giữ tạm thời (diện tích 10 m²): nền bê tông chống thấm, có mái che, nền kho cao hơn sân đường nội bộ để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có biển tên, biển cảnh báo.

2.1.2. Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy màu đen và có lót túi theo quy định.

- Khu vực lưu giữ tạm thời (diện tích 15 m²): nền bê tông chống thấm, có mái che, nền kho cao hơn sân đường nội bộ để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có biển tên, biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường khác:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy màu trắng và có lót túi theo quy định.

- Khu vực lưu giữ tạm thời (diện tích 20 m²): nền bê tông chống thấm, có mái che, nền kho cao hơn sân đường nội bộ để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy màu xanh và có lót túi theo quy định.

- Khu vực lưu giữ (diện tích 16 m²): mái tôn, nền xi măng trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH XD-TM&SX Nam Thành Ninh Thuận thu gom và vận chuyển xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên Cơ sở y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại khác theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 8/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Định kỳ chuyển giao chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại khác, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn thông thường khác theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.